

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 502

Ngày 15 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

29-11-2024-	Quyết định số 5481/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	3
04-12-2024-	Quyết định số 5541/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.	5
04-12-2024-	Quyết định số 5558/QĐ-UBND phê duyệt Quy trình vận hành tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành - Suối Tiên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.	8
05-12-2024-	Quyết định số 5602/QĐ-UBND phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý năm 2024.	22

- 05-12-2024- Quyết định số 5603/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế. 37
- 05-12-2024- Quyết định số 5605/QĐ-UBND về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thủy lợi; Phòng, chống thiên tai; Thủy sản; Quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 49

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5481/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Bãi bỏ Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ quy định về công tác văn thư;

Thực hiện Kết luận số 77/KL-KTrVB ngày 02 tháng 10 năm 2024 của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật theo địa bàn tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 7459/TTr-SCT ngày 12 tháng 11 năm 2024 về việc xử lý Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố theo Kết luận kiểm tra số 77/KL-KTrVB của Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định

Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 4322/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục trưởng Cục Thuế Thành phố; Giám đốc Công an Thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện, phường, xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Võ Văn Hoan

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5541/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y, Dược cổ truyền
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 12803/TTr-SYT ngày 02 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc lĩnh vực Y, Dược cổ truyền thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC Y, DƯỢC CỔ TRUYỀN
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5541/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ Y TẾ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Y, Dược cổ truyền						
1	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	150 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	Không	<ul style="list-style-type: none">- Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;- Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Y tế;- Thông tư số 24/2024/TT-BYT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2020/TT-BYT ngày 29 tháng 10 năm 2020 ban hành tiêu chuẩn và hướng dẫn xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền.- Quyết định số 3562/QĐ-BYT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y, Dược cổ truyền được quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BYT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y tế.	

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5558/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy trình vận hành tuyến đường sắt đô thị số 1,
tuyến Bến Thành - Suối Tiên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đường sắt ngày 16 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng, thi công xây dựng công trình và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 42/2016/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vận hành, bảo trì đường sắt đô thị;

Căn cứ Công văn số 4058/BXD-GĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024 của Bộ Xây dựng về thẩm quyền phê duyệt quy trình vận hành, bảo trì tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành - Suối Tiên; Công văn số 8049/BGTVT-KCHT ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về trả lời đề nghị của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Văn bản số 3737/UBND-DA ngày 04 tháng 7 năm 2024;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Đường sắt đô thị tại Tờ trình số 3261/TTr-BQLĐSĐT ngày 05 tháng 11 năm 2024 về việc thẩm định, phê duyệt Quy trình vận hành khai thác tuyến đường sắt đô thị số 1, Bến Thành - Suối Tiên; ý kiến thẩm định của Sở Giao thông vận tải tại Báo cáo số 15831/BCTĐ-SGTVT ngày 21 tháng 11 năm 2024; đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 15885/TTr-SGTVT ngày 21 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Nội dung phê duyệt**

Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình vận hành tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành - Suối Tiên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

(Kèm danh mục quy trình tại Phụ lục và bộ Quy trình vận hành tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành - Suối Tiên do Ban Quản lý Đường sắt đô thị lập).

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ vào Quy trình vận hành tuyến đường sắt đô thị số 1 được phê duyệt, giao Sở Giao thông vận tải chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

2. Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố công bố Quy trình vận hành trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vấn đề khó khăn, vướng mắc, cần phải điều chỉnh, bổ sung hoặc làm rõ, giao Ban Quản lý đường sắt đô thị tổng hợp, báo cáo Sở Giao thông vận tải đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Trưởng ban Ban Quản lý đường sắt đô thị, Giám đốc Công an Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, ban-ngành Thành phố, Giám đốc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Đường sắt đô thị số 1, Giám đốc Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Bùi Xuân Cường

Phụ lục**DANH MỤC QUY TRÌNH VẬN HÀNH TUYẾN ĐƯỜNG SẮT ĐÔ THỊ SỐ 1,
TUYẾN BẾN THÀNH - SUỐI TIÊN**

(Kèm theo Quyết định số 5558/QĐ-UBND ngày 04 tháng 12 năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
I	Quy trình vận hành Trung tâm điều hành giao thông vận tải đường sắt đô thị (OCC), Trung tâm dự phòng (BCC) và Depot			
1	Q2-T1-1	P-SCADA	PS-O&M-MAN-00004	B
2	Q2-T1-2	F-SCADA	FS-O&M-MAN-00002	C
3	Q2-T1-2.1	Hướng dẫn vận hành cho giao diện F-SCADA	TE-O&M-MAN-51170	B
4	Q2-T1-3	Hệ thống tín hiệu	SG-O&M-MAN-10092	B
5	Q2-T1-3.1	Hướng dẫn vận hành cho IL-CT và DEPT-T	SG-O&M-MAN-10093	D
6	Q2-T1-3.2	Hướng dẫn vận hành cho ATS-T	SG-O&M-MAN-10094	B
7	Q2-T1-3.3	Hướng dẫn vận hành cho ATS-DS	SG-O&M-MAN-10095	B
8	Q2-T1-3.4	Hướng dẫn vận hành cho DP-T	SG-O&M-MAN-10096	B
9	Q2-T1-3.5	Hướng dẫn vận hành cho TDS-T	SG-O&M-MAN-10097	B
10	Q2-T1-3.6	Hướng dẫn vận hành cho máy in	SG-O&M-MAN-10099	B
11	Q2-T1-3.7	Hướng dẫn vận hành hệ thống ATP/ATO trên tàu	SG-O&M-MAN-10100	C
12	Q2-T1-3.8	Hướng dẫn vận hành cho SM-T và DSU	SG-O&M-MAN-10101	B
13	Q2-T1-3.9	Hướng dẫn vận hành cho thiết bị thử nghiệm trên tàu	SG-O&M-MAN-10103	B
14	Q2-T1-3.10	Hướng dẫn vận hành Máy quay ghi	SG-O&M-MAN-10122	C
15	Q2-T1-3.11	Hướng dẫn vận hành Hộp điều khiển thu công	SG-O&M-MAN-10125	B

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
16	Q2-T1-3.12	Hướng dẫn vận hành cho TTS	SG-O&M-MAN-11243	B
17	Q2-T1-3.13	Hướng dẫn vận hành cho TDP&TD-T	SG-O&M-MAN-11244	B
18	Q2-T1-3.14	Hướng dẫn vận hành cho IL Sim	SG-O&M-MAN-11245	B
19	Q2-T1-3.15	Hướng dẫn vận hành cho bộ kiểm tra bộ phát đáp	SG-O&M-MAN-10104	B
20	Q2-T1-3.16	Hướng dẫn vận hành cho PID-T	SG-O&M-MAN-10115	B
21	Q2-T1-3.17	Hướng dẫn vận hành hệ thống truyền dữ liệu	TE-O&M-MAN-51100	C
22	Q2-T1-3.18	Hướng dẫn vận hành hệ thống Radio	TE-O&M-MAN-54150	B
23	Q2-T1-3.19	Hướng dẫn vận hành cho Bảng phân phối điện	TE-O&M-MAN-51180	B
24	Q2-T1-4	Vận hành hệ thống đồng hồ	TE-O&M-MAN-51140	E
25	Q2-T1-5	Hệ thống ngăn ngừa thảm họa	TE-O&M-MAN-51160	C
26	Q2-T1-6	Vận hành hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động	CP1b-STOH-MEC-OMM-00045	D
27	Q2-T1-6.1	Hệ thống chữa cháy ga Nhà Hát Thành Phố	CP1b-STOH-MEC-OMM-00029	E
28	Q2-T1-7	Hệ thống điều hòa không khí tại trạm biến áp	OMM-00020	E
29	Q2-T1-7.1	Hệ thống điều hòa không khí tại Depot	OMM-00044	C
30	Q2-T1-7.2	Hệ thống điều hòa không khí Nhà ga trên cao	OMM-00028	D
31	Q2-T1-8	Hệ thống điều khiển tự động BAS	OMM-00017	D
32	Q2-T1-8.1	Hướng dẫn vận hành tủ phân phối LV AC, DC	PS-O&M-MAN-00015	B
33	Q2-T1-8.2	Hướng dẫn vận hành hệ thống chiếu sáng Depot	PS-O&M-MAN-00019	
34	Q2-T1-9	Hệ thống kiểm soát ra vào OCC	FC-O&M-MAN-01001	N
35	Q2-T1-10	Vận hành hệ thống quản lý bảo	DE-O&M-MAN-07701	E

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
		đường (MMS)		
36	Q2-T1-10.1	Máy tính và mạng (tài liệu chung với hệ thống MMS)	DE-O&M-MAN-07701	D
II Quy trình vận hành nhà ga				
37	Q2-T2-1	Vận hành hệ thống điện thoại khẩn cấp	TE-O&M-MAN-51110	B
38	Q2-T2-2.1	Vận hành cửa soát vé	FC-O&M-MAN-01001	N
39	Q2-T2-2.2	Vận hành cho máy bán vé tự động	FC-O&M-MAN-01002	T
40	Q2-T2-2.3	Vận hành cho Máy điều chỉnh giá vé	FC-O&M-MAN-01003	M
41	Q2-T2-2.4	Vận hành cho Thiết bị đầu cuối cho nhân viên ga	FC-O&M-MAN-01004	M
42	Q2-T2-2.5	Vận hành thiết bị đầu cuối hỗ trợ Máy chủ nhà ga	FC-O&M-MAN-01005	L
43	Q2-T2-2.6	Vận hành cho Máy chủ trung tâm Thiết bị đầu cuối hỗ trợ Máy chủ trung tâm và Trang thiết bị mạng	FC-O&M-MAN-01006	M
44	Q2-T2-2.7	Vận hành thiết bị xử lý tiền mặt	FC-O&M-MAN-01008	J
45	Q2-T2-2.8	Vận hành Thiết bị Phát hành Tái chế thẻ	FC-O&M-MAN-01007	M
46	Q2-T2-2.9	Vận hành Hệ thống thu phí tự động AFC		
47	Q2-T2-2.10	Vận hành cho Thiết bị AFC trong trường hợp khẩn cấp	FC-O&M-MAN-01011	C
48	Q2-T2-3	Vận hành hệ thống biển báo tín hiệu	UMRTL1-CP3-GS-O&M-MAN-00001	C
49	Q2-T2-4.1	Vận hành hệ thống cấp nước, đường ống và thoát nước gói thầu CP1a.	MN-00010	D
50	Q2-T2-4.2	Vận hành hệ thống thoát nước ga nhà hát thành phố và ga ba son	CP1b-STOH-MEC-OMM-00025	D
51	Q2-T2-4.3	Vận hành hệ thống cấp thoát nước và đường ống, gói thầu CP2.	OMM-00033-E	E

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
52	Q2-T2-4.4	Hệ thống cấp, thoát nước Trạm biến áp	OMM-00030-B	B
53	Q2-T2-4.5	Hệ thống cấp thoát nước Depot	OMM-00035-C	C
54	Q2-T2-4.6	Hệ thống xử lý nước thải công nghiệp Depot	OMM-00022-C	C
55	Q2-T2-4.7	Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt Depot	OMM-00023-C	C
56	Q2-T2-4.8	Hệ thống xử lý nước thải ga Bến Thành	MN-00010-D	D
57	Q2-T2-4.9	Hệ thống xử lý nước thải ga nhà hát thành phố	CP1b-STOH-MEC-OMM-00021	C
58	Q2-T2-4.10	Hệ thống xử lý nước thải ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-00038	C
59	Q2-T2-4.11	Hệ thống cấp thoát nước ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-00026	D
60	Q2-T2-4.12	Hệ thống xử lý nước thải Nhà ga trên cao	OMM-00018	C
61	Q2-T2-5	Vận hành hệ thống cung cấp điện nhà ga	OMM-00021	G
62	Q2-T2-5.1	Quy trình vận hành hệ thống chiếu sáng Đường hầm	PS-O&M-MAN-00021	
63	Q2-T2-5.2	Quy trình vận hành ổ cắm đường hầm, đoạn trên cao và Depot	PS-O&M-MAN-00020	
64	Q2-T2-5.3	Vận hành hệ thống tiếp điện trên cao (OCS)	OC-O&M-MAN-00001	D
65	Q2-T2-5.4	Hướng dẫn vận hành hệ thống cung cấp điện (trung thế, cao thế)	PS-O&M-MAN-00025	B
66	Q2-T2-5.5	Hướng dẫn sử dụng UPS	PS-O&M-MAN-00010	B
67	Q2-T2-5.6	Hệ thống điện Trạm biến áp	OMM-00012	F
68	Q2-T2-5.7	Hệ thống điện Depot	OMM-00019	F
69	Q2-T2-5.8	Hệ thống tủ điện Trạm biến áp	OMM-00015	D
70	Q2-T2-5.9	Hệ thống tủ điện Nhà ga trên cao	OMM-00026	H

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
71	Q2-T2-5.10	Hệ thống tủ điện Depot	OMM-00027	F
72	Q2-T2-5.11	Hệ thống thang máy, thang cuốn Nhà ga trên cao và Depot	OMM-00025	G
73	Q2-T2-5.12	Hệ thống điện ga Bến Thành	MN-00016	A
74	Q2-T2-5.13	Hệ thống thang máy, thang cuốn ga Bến Thành	MN-00018	B
75	Q2-T2-5.14	Hệ thống điện ga nhà hát thành phố	CP1b-STOH-MEC-OMM-00043	B
76	Q2-T2-5.15	Hệ thống thang máy ga Nhà hát Thành phố	CP1b-STOH-MEC-OMM-00047	D
77	Q2-T2-5.16	Hệ thống thang cuốn ga Nhà hát Thành phố	CP1b-STOH-MEC-OMM-00049	D
78	Q2-T2-5.17	Hệ thống điện ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-00044	B
79	Q2-T2-5.18	Hệ thống thang máy ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-00048	C
80	Q2-T2-5.19	Hệ thống thang cuốn ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-00050	C
81	Q2-T2-6.1	Vận hành cho PSD loại lửng	PD-O&M-MAN-00001	D
82	Q2-T2-6.2	Vận hành cho PSD loại cao	PD-O&M-MAN-00002	F
83	Q2-T2-7	Vận hành hệ thống PCCC Tự động	CP1b-STBS-MEC-OMM-00046	D
84	Q2-T2-7.1	Hệ thống báo cháy và chữa cháy Trạm biến áp	OMM-00014	E
85	Q2-T2-7.2	Hệ thống báo cháy và chữa cháy Nhà ga trên cao	OMM-00024	D
86	Q2-T2-7.3	Hệ thống báo cháy và chữa cháy Depot	OMM-00041	C
87	Q2-T2-7.4	Hệ thống báo cháy ga Bến Thành	MN-00028	A
88	Q2-T2-7.5	Hệ thống chữa cháy ga Bến Thành	MN-00012	C
89	Q2-T2-7.6	Hệ thống chữa cháy ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-	E

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
			00030	
90	Q2-T2-8	Vận hành hệ thống điều khiển tự động tòa nhà (BAS)	CP1b-STOH-MEC-OMM-00031	D
91	Q2-T2-8.1	Hệ thống BAS Trạm biến áp	OMM-00013	G
92	Q2-T2-8.2	Hệ thống BAS Nhà ga trên cao	OMM-00016	E
93	Q2-T2-8.3	Hệ thống BAS ga Bến Thành	MN-00020	D
94	Q2-T2-8.4	Hệ thống BAS ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-00032	D
95	Q2-T2-9	Vận hành hệ thống thông gió đường hầm và thoát khí đường tàu	MN-00014	C
96	Q2-T2-9.1	Hệ thống ECS Nhà Hát Thành Phố	CP1b-STOH-MEC-OMM-00027	B
97	Q2-T2-10	Vận hành hệ thống thông gió nhà ga	OMM-00039	B
98	Q2-T2-10.1	Hệ thống thông gió Trạm biến áp	OMM-00029	D
99	Q2-T2-10.2	Hệ thống thông gió Depot	OMM-00038	B
100	Q2-T2-10.3	Hệ thống ECS ga Ba Son	CP1b-STBS-MEC-OMM-00028	B
101	Q2-T2-11	Hệ thống kiểm soát ra vào ga	MN-00016	
102	Q2-T2-11.1	Hướng dẫn vận hành hệ thống CCTV	TE-O&M-MAN-51120	C
103	Q2-T2-12	Hệ thống phát thanh trên tàu và ga	TE-O&M-MAN-51130	C
III	Quy trình vận hành trạm biến áp			
104	Q2-T3-1	Vận hành hệ thống GIS 110KV	PS-O&M-MAN-00001	D
105	Q2-T3-2	Vận hành hệ thống rơ le EHV bảo vệ	PS-O&M-MAN-00009	D
106	Q2-T3-3.1	Vận hành máy biến áp phân phối (điện áp hệ thống 6.6KV)	PS-O&M-MAN-00013	B
107	Q2-T3-3.2	Máy biến áp hàn kín bằng khí nito ngâm silicon lỏng	PS-O&M-MAN-00002	B
108	Q2-T3-4	Vận hành bộ chuyển mạch	PS-O&M-MAN-00011	B

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
		110VDC		
109	Q2-T3-4.1	Quy trình vận hành cho thiết bị chuyển mạch 1500VDC	PS-O&M-MAN-00016	B
110	Q2-T3-4.2	Hướng dẫn vận hành thiết bị đóng cắt hạ thế (OCC, RTSS/TSS)	PS-O&M-MAN-00014	C
111	Q2-T3-4.3	Quy trình vận hành cho thiết bị chuyển mạch 7.2 KV (Điện áp 6.6KV)	PS-O&M-MAN-00012	B
112	Q2-T3-4.4	Quy trình vận hành cho thiết bị chuyển mạch 22 KV	PS-O&M-MAN-00003	B
113	Q2-T3-4.5	Quy trình vận hành cho Bộ chỉnh lưu	PS-O&M-MAN-00006	B
114	Q2-T3-4.6	Quy trình vận hành cho Bộ nghịch lưu	PS-O&M-MAN-00007	C
115	Q2-T3-5	Vận hành máy phát trung thế 6,6kV	PS-O&M-MAN-00018	A
116	Q2-T3-5.1	Vận hành máy phát trung thế OCC	PS-O&M-MAN-00017	B
IV	Quy trình vận hành xưởng, trạm			
117	Q2-T4-1	Vận hành xưởng đầu máy toa xe	UMRTL1-CP2-DMWS-CDS-TDD-83001; UMRTL1-CP3-GL-O&M-PLN-00001	F D
118	Q2-T4-2	Xưởng cơ sở hạ tầng	UMRTL1-CP2-DMWS-CDS-TDD-83001; UMRTL1-CP3-GL-O&M-PLN-00001	F D
119	Q2-T4-2.1	Quy trình vận hành kiến trúc Ga Nhà Hát Thành phố và Ga Ba Son (CP1b)	UMRTL1-CP1b-000-CSA-OMM-00064	C
120	Q2-T4-2.2	Quy trình vận hành kiến trúc Ga Bến Thành (CP1a)	UMRTL1-CP1a-BT-OMN-MN-00022	E
121	Q2-T4-2.3	Quy trình vận hành kiến trúc các nhà ga trên cao (CP2)	UMRTL1-CP2-0000-000-OMM-00040 UMRTL1-CP2-0000-000-	B

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
			OMM-00036	
122	Q2-T4-2.4	Quy trình vận hành kết cấu (các thiết bị quan trắc) gói CP1b	UMRTL1-CP1b-0000-000-OMM-00063	F
123	Q2-T4-2.5	Quy trình vận hành kết cấu (các thiết bị quan trắc) gói CP1a	UMRTL1-CP1a-BT-OMN-MN-00026	C
124	Q2-T4-3	Trạm tiện bánh xe	DE-O&M-MAN-11020	B
125	Q2-T4-4	Trạm rửa tàu	DE-O&M-MAN-11010	D
V	Quy trình vận hành phương tiện			
126	Q2-T5-1	Vận hành tàu	RS-O&M-MAN-00014	D
127	Q2-T5-1.1	Hướng dẫn vận hành cho thiết bị điều hòa không khí	RS-O&M-MAN-00002	C
128	Q2-T5-2	Vận hành mô phỏng điều khiển tàu	RS-O&M-MAN-00013	D
129	Q2-T5-3.1	Phương tiện bảo dưỡng cơ sở hạ tầng	DE-O&M-MAN-21010	B
130	Q2-T5-3.2	Vận hành thiết bị kiểm tra công trình đường sắt, loại xách tay	DE-O&M-MAN-22200	A
131	Q2-T5-3.3	Vận hành xe bảo dưỡng hệ thống tiếp điện trên cao	DE-O&M-MAN-21020	A
132	Q2-T5-3.4	Vận hành thiết bị bảo dưỡng đầu đấm móc nối	DE-O&M-MAN-13060	C
133	Q2-T5-3.5	Vận hành bàn thử giảm chấn	DE-O&M-MAN-12050	B
134	Q2-T5-3.6	Vận hành thiết bị dồn tàu trong nhà xưởng	DE-O&M-MAN-21090	B
135	Q2-T5-3.7	Vận hành thiết bị dồn tàu thông thường	DE-O&M-MAN-21080	B
136	Q2-T5-3.8	Vận hành toa xe mặt bằng(Đã sửa T12-2023)	DE-O&M-MAN-21050	A
137	Q2-T5-3.9	Vận hành kích nâng PTĐS 4x10 tấn	DE-O&M-MAN-11050	C
138	Q2-T5-3.10	Vận hành phương tiện sửa biên dạng ray	DE-O&M-MAN-21060	C

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
139	Q2-T5-3.11	Vận hành phương tiện đa chức năng	DE-O&M-MAN-21070	B
140	Q2-T5-3.12	Vận hành cần cẩu	DE-O&M-MAN-12031	A
141	Q2-T5-3.13	Vận hành máy điều hoà di động	DE-O&M-MAN-11022	A
142	Q2-T5-3.14	Thiết bị nâng đoàn tàu - loại trên mặt đất - 24x10T	DE-O&M-MAN-11040	C
143	Q2-T5-3.15	Kích nâng phương tiện đường sắt cho phương tiện bảo dưỡng 4x15T	DE-O&M-MAN-11060	C
144	Q2-T5-3.16	Thiết bị kiểm tra cần lấy điện	DE-O&M-MAN-11120	B
145	Q2-T5-3.17	Máy lắp ép bánh xe	DE-O&M-MAN-12020	B
146	Q2-T5-3.18	Máy doa bánh xe	DE-O&M-MAN-12030	A
147	Q2-T5-3.19	Máy tiện trục	DE-O&M-MAN-12040	B
148	Q2-T5-3.20	Hệ thống cân tải bánh xe	DE-O&M-MAN-11140	A
149	Q2-T5-3.21	Bàn quay giá chuyển hướng	DE-O&M-MAN-12010	B
150	Q2-T5-3.22	Thiết bị sấy	DE-O&M-MAN-12150	A
151	Q2-T5-3.23	Bàn sửa chữa giá chuyển hướng	DE-O&M-MAN-13130	B
152	Q2-T5-3.24	Buồng làm sạch	DE-O&M-MAN-13170	B
153	Q2-T5-3.25	Máy rửa bộ phận, dành cho các bộ phận lớn	DE-O&M-MAN-13100	B
154	Q2-T5-3.26	Bàn thử lò xo	DE-O&M-MAN-12060	B
155	Q2-T5-3.27	Bệ thử tải giá chuyển	DE-O&M-MAN-12120	B
156	Q2-T5-3.28	Thiết bị kiểm tra động cơ điện kéo AC	DE-O&M-MAN-12140	B
157	Q2-T5-3.29	Thiết bị bảo dưỡng hãm	DE-O&M-MAN-13010	A
158	Q2-T5-3.30	Bảo dưỡng linh kiện điện, điện tử	DE-O&M-MAN-13020	A
159	Q2-T5-3.31	Thiết bị bảo dưỡng hệ thống điều hoà trên tàu	DE-O&M-MAN-13030	C
160	Q2-T5-3.32	Thiết bị bảo dưỡng cần lấy điện	DE-O&M-MAN-13040	A
161	Q2-T5-3.33	Thiết bị bảo dưỡng cửa	DE-O&M-MAN-13050	B

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
162	Q2-T5-3.34	Thiết bị bảo dưỡng ắc quy	DE-O&M-MAN-13070	B
163	Q2-T5-3.35	Thiết bị bảo dưỡng máy nén khí	DE-O&M-MAN-13080	B
164	Q2-T5-3.36	Bộ sửa máy điều hòa không khí của tàu	DE-O&M-MAN-13030	C
165	Q2-T5-3.37	Thiết bị đo và ghi (dữ liệu) bánh xe	DE-O&M-MAN-12070	C
166	Q2-T5-3.38	Dụng cụ đo giang cách bánh xe	DE-O&M-MAN-12080	B
167	Q2-T5-3.39	Thiết bị kiểm tra bộ bánh xe - Loại dùng sóng siêu âm	DE-O&M-MAN-12090	A
168	Q2-T5-3.40	Thiết bị tháo và lắp bạc đạn (vòng bi)	DE-O&M-MAN-12100	A
169	Q2-T5-3.41	Bộ đỡ thân xe	DE-O&M-MAN-12180	B
170	Q2-T5-3.42	Bàn nâng kiểu kéo loại co giãn 2 tấn	DE-O&M-MAN-13090	A
171	Q2-T5-3.43	Phương tiện vận chuyển cuộn cáp	DE-O&M-MAN-21140	B
172	Q2-T5-3.44	Thiết bị cứu viện	DE-O&M-MAN-14010	C
173	Q2-T5-3.45	Dụng cụ cầm tay dùng trong công trình đường sắt	DE-O&M-MAN-22010	A
174	Q2-T5-3.46	Thiết bị đầm điện	DE-O&M-MAN-22030	A
175	Q2-T5-3.47	Đèn làm việc xách tay	DE-O&M-MAN-22040	A
176	Q2-T5-3.48	Tay vận bu lông giữ ray loại dùng điện	DE-O&M-MAN-22050	A
177	Q2-T5-3.49	Thiết bị nung nóng ray	DE-O&M-MAN-22060	A
178	Q2-T5-3.50	Thiết bị cắt khi hàn	DE-O&M-MAN-22080	B
179	Q2-T5-3.51	Thiết bị căng ray	DE-O&M-MAN-22090	A
180	Q2-T5-3.52	Máy khoan ray	DE-O&M-MAN-22100	A
181	Q2-T5-3.53	Thiết bị cắt ray, loại sử dụng đá cắt	DE-O&M-MAN-22110	C
182	Q2-T5-3.54	Máy mài đỉnh ray	DE-O&M-MAN-22120	B
183	Q2-T5-3.55	Xe đẩy ray	DE-O&M-MAN-22150	C

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
184	Q2-T5-3.56	Máy cưa ray	DE-O&M-MAN-22180	E
185	Q2-T5-3.57	Xe mui kín	DE-O&M-MAN-21120	B
186	Q2-T5-3.58	Xe nâng hàng - Sức nâng 3 tấn	DE-O&M-MAN-33010	C
187	Q2-T5-3.59	Xe nâng hàng - Sức nâng 2 tấn, hoạt động bằng bình ắc qui	DE-O&M-MAN-33020	B
188	Q2-T5-3.60	Xe nâng hàng - Sức nâng 1.5 tấn, hoạt động bằng bình ắc qui	DE-O&M-MAN-33030	B
189	Q2-T5-3.61	Thiết bị nâng xe đường bộ	DE-O&M-MAN-21150	D
190	Q2-T5-3.62	Thiết bị gia công kim loại vạn năng	DE-O&M-MAN-35010	A
191	Q2-T5-3.63	Cưa	DE-O&M-MAN-35020	A
192	Q2-T5-3.64	Cưa đai	DE-O&M-MAN-35030	B
193	Q2-T5-3.65	Cưa đĩa	DE-O&M-MAN-35060	B
194	Q2-T5-3.66	Máy mài loại gắn trên sàn	DE-O&M-MAN-35040	A
195	Q2-T5-3.67	Máy khoan lỗ, loại liên kết với sàn	DE-O&M-MAN-35070	A
196	Q2-T5-3.68	Máy khoan lỗ, loại gắn trên lên bộ làm việc	DE-O&M-MAN-35080	A
197	Q2-T5-3.69	Bộ thiết bị cắt - hàn dùng oxy và acetylene	DE-O&M-MAN-35090	A
198	Q2-T5-3.70	Phòng phun cát	DE-O&M-MAN-35120	B
199	Q2-T5-3.71	Phòng sơn (Giá chuyển hướng)	DE-O&M-MAN-35130	C
200	Q2-T5-3.72	Máy ép thủy lực, 5 tấn	DE-O&M-MAN-35170	A
201	Q2-T5-3.73	Thiết bị tiện ren ống	DE-O&M-MAN-35190	B
202	Q2-T5-3.74	Tời xích	DE-O&M-MAN-37400	A
203	Q2-T5-3.75	Thiết bị làm sạch và rửa	DE-O&M-MAN-39010	C
204	Q2-T5-3.76	Máy khoan lấy mẫu lõi	DE-O&M-MAN-35160	C
205	Q2-T5-3.77	Máy khoan xách tay loại đế từ	DE-O&M-MAN-35150	B
206	Q2-T5-3.78	Máy hàn điện loại xách tay	DE-O&M-MAN-35100	B
207	Q2-T5-3.79	Máy mài gắn trên bộ làm việc	DE-O&M-MAN-35050	B

TT	Mã hiệu	Nội dung	Tài liệu tham chiếu	
			Mã hiệu tài liệu của nhà thầu và tư vấn liên quan	Phiên bản
208	Q2-T5-3.80	Khí cụ điện	DE-O&M-MAN-37010	C
209	Q2-T5-3.81	Xe lấy hàng	DE-O&M-MAN-21100	A
210	Q2-T5-3.82	Xe tải nhỏ	DE-O&M-MAN-21110	A
211	Q2-T5-3.83	Thiết bị kiểm tra	DE-O&M-MAN-37600	A
212	Q2-T5-4	Vận hành thiết bị cứu hộ	DE-O&M-MAN-14020	D
213	Q2-T5-4.1	Xe cứu viện (đẩy tay)	DE-O&M-MAN-14030	C
214	Q2-T5-4.2	Bộ kẹp ray khẩn cấp	DE-O&M-MAN-22130	A

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5602/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thủ tục hành chính đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến
do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý năm 2024**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Công Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 881/QĐ-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố tại Công văn số 16719/SKHĐT-VP ngày 29 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục dịch vụ công trực tuyến

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính, nhóm thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên môi trường điện tử do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý (*kèm theo phục lục*).

Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình, dịch vụ công trực tuyến một phần được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham mưu thực hiện quy trình tổ chức xây dựng và giải pháp bảo đảm phương thức thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quy định tại Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Cụ thể:

- Rà soát, xây dựng Phương án đơn giản hóa quy trình, thời gian thực hiện, thành phần hồ sơ và các bộ phận cấu thành khác của thủ tục hành chính trên cơ sở đánh giá các nguồn dữ liệu đã có và mức độ sẵn sàng tích hợp, cung cấp thông tin trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Xác định giải pháp nghiệp vụ giải quyết thủ tục hành chính; giải pháp định danh, mức độ bảo đảm an toàn của các phương thức xác thực điện tử; giải pháp tích

hợp, chia sẻ, khai thác thông tin với các nguồn dữ liệu, dịch vụ công có liên quan và các giải pháp kỹ thuật khác.

- Triển khai số hóa thành phần hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, tái sử dụng cơ sở dữ liệu đã được số hóa, lưu trữ số, cung cấp kết quả điện tử khi giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

- Xây dựng quy trình điện tử, thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố, tích hợp Cổng dịch vụ công quốc gia đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật về giao diện, truy cập, tương tác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, lưu trữ, bảo mật theo quy định.

2. Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức:

Phối hợp chặt chẽ trong thực hiện đơn giản hóa quy trình thủ tục; xây dựng quy trình điện tử và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố.

3. Giao Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tổ chức cấu hình, triển khai đầy đủ các thủ tục toàn trình, một phần được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố tại địa chỉ <https://dichvucong.hochiminhcity.gov.vn/>

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

Phụ lục

**Danh mục thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu cung cấp dịch vụ công trực tuyến
do Sở Kế hoạch và Đầu tư quản lý năm 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 5602/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Cấp thực hiện			Dịch vụ công trực tuyến		Ghi chú
		Cấp thành phố	Cấp huyện	Cấp xã	Toàn trình	Một phần	
I	Lĩnh vực đấu thầu, lựa chọn nhà thầu						
1	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố.	X				X	
2	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Sở - ngành.	X				X	
3	Thủ tục giải quyết kiến nghị trong quá trình lựa chọn nhà thầu thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện.		X			X	
II	Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp						

4	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
5	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
6	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
7	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
8	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
9	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
10	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
11	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

12	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
13	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
14	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
15	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
16	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
19	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X			X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

20	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
21	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
22	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
23	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
24	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
25	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

26	<p>Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương</p>	X			X		<p>Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>
27	<p>Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính</p>	X			X		<p>Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023</p>

28	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
29	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
30	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
31	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

32	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
33	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
34	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
37	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
38	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
39	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

40	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
41	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
42	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
43	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
44	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
45	Giải thể doanh nghiệp	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
46	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

47	Chậm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
48	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
49	Chậm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
50	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
51	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
52	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
53	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023

54	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	X			X		Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
III	Lĩnh vực Đấu thầu						
55	Cấp chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	X				X	
56	Cấp lại chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	X				X	
57	Gia hạn chứng chỉ nghiệp vụ chuyên môn về đấu thầu	X				X	
IV	Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam						
58	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh	X				X	

59	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	X				X	
60	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X				X	
61	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X				X	
62	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
63	Cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X				X	
64	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	X				X	

65	Thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài	X				X	Thay thế DVCTT trong QĐ 2173/QĐ-UBND ngày 29/5/2023
66	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	X				X	
67	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	X				X	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5603/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Y tế dự phòng
thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 12829/TTr-SYT ngày 02 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 21 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế, gồm: 01 thủ tục mới ban hành, 05 thủ tục thay thế và 15 thủ tục bị bãi bỏ (trong đó có 06 thủ tục bị bãi bỏ do được thay thế).

Danh mục thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành

chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

(Kèm theo Quyết định số 5603/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng.	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố	Không	- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020. - Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).
2	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Trong thời hạn 05 ngày làm việc	Sở Y tế	Không	- Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố	Không	- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020.
2	Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ	Sở Y tế	Không	- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). - Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy
3	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Trong thời gian 40 ngày kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	Không	
4	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	Không	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5	Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm kháng định HIV dương tính	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Y tế	Không	định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
1	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh (<i>thứ tự A.VII.14</i>)	- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020. - Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).
2	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Quyết định số 3758/QĐ-UBND ngày 21/6/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh (<i>thứ tự A.VII.15</i>)	- Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
			<p>định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p><i>(Được thay thế bởi thủ tục Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng).</i></p>
3	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định các trường hợp HIV dương tính	Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế <i>(thứ tự A.1)</i>	<p>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020.</p> <p>- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p>- Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p><i>(Được thay thế bởi thủ tục Cấp mới giấy chứng nhận cơ</i></p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
4	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính	Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự A.2</i>)	<p>sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính).</p> <p>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020.</p> <p>- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p>- Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p>(Được thay thế bởi thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính).</p>
5	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm	Quyết định số 1546/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc	- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	khẳng định các trường hợp HIV dương tính	công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự A.3</i>)	<p>Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020.</p> <p>- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p>- Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p><i>(Được thay thế bởi thủ tục Điều chỉnh giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính).</i></p>
6	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự I.1.4</i>)	<p>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020.</p> <p>- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng,</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
			<p>chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p>- Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p> <p><i>(Được thay thế bởi thủ tục Công bố cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế).</i></p>
7	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế <i>(thứ tự II.1)</i>	<p>- Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29/6/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 16/11/2020.</p> <p>- Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).</p>
8	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành	<p>- Quyết định số 3555/QĐ-BYT ngày 25/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính mới</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	nghiện chất dạng thuốc phiện trong các cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng	chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự I.2.1</i>)	ban hành, thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực y tế dự phòng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 141/2024/NĐ-CP ngày 28/10/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).
9	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự III.1</i>)	
10	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự I.2.2</i>)	
11	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện cho người nghiện chất dạng thuốc phiện	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
	trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý	quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự I.2.3</i>)	
12	Công bố lại đối với cơ sở công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự I.1.6</i>)	
13	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự I.1.5</i>)	
14	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Quyết định công bố danh mục TTHC	VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
		quản lý của Sở Y tế (<i>thứ tự I.1.7</i>)	
15	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước	Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Dược phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.	- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá. - Quyết định số 3493/QĐ-BYT ngày 19/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc bãi bỏ thủ tục hành chính trong lĩnh vực dược phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá.

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5605/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực
Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thủy lợi; Phòng, chống thiên tai;
Thủy sản; Quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý
của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4256/TTr-SNN ngày 29 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 12 thủ tục hành chính mới ban hành các lĩnh vực Nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thủy lợi; Phòng, chống thiên tai; Thủy sản; Quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <https://hochiminhcity.gov.vn/> (Bộ thủ tục hành chính chuẩn hóa).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN;
THỦY LỢI; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI; THỦY SẢN; QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 5605/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP TỈNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
II. Lĩnh vực Thủy lợi					
1	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh	Không quy định	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa	Không	- Luật Thủy lợi ngày 19/6/2017; - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước; - Quyết định số 4638/QĐ-BNN-TCTL

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
			Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)		<p>ngày 22/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;</p> <p>- Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05/12/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>
III. Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai					
1	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	<p>- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.</p> <p>- Quyết định số 1957/QĐ-BNN-PCTT ngày 01/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ xin ý kiến, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan thôn trả lời bằng văn bản gửi cơ quan chủ quản.	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	<p>công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p> <p>- Quyết định số 13/2024/QĐ-UBND ngày 15/3/2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p>- Quyết định số 503/QĐ-SNN ngày 05/12/2016 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi cục Thủy lợi.</p>
3	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Không quy định	Chi cục Thủy lợi (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)	Không	
IV. Lĩnh vực Thủy sản					

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	20 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế đóng mới, lần đầu) hoặc 10 ngày làm việc (đối với hồ sơ thiết kế cải hoán, sửa chữa phục hồi), kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	Cơ sở đăng kiểm tàu cá	5% giá thiết kế	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy sản; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản. - Quyết định số 676/QĐ-BNN-TCTS ngày 18/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					tục hành chính sửa đổi, lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	Cấp giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ	Tổ chức quản lý cảng cá các tỉnh, thành phố ven biển	150.000 đồng + (số tấn thủy sản x 15.000 đồng/tấn). Tối đa 700.000 đồng/lần.	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Thông tư số 21/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định ghi, nộp báo cáo, nhật ký khai thác thủy sản; công bố cảng cá chỉ định xác nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác; danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp; xác nhận nguyên liệu, chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác; - Thông tư số 94/2021/TT-BTC ngày 02/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; phí thẩm định kinh doanh có điều kiện thuộc lĩnh vực thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản; - Thông tư số 01/2022/TT-BNNPTNT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số Thông tư trong lĩnh vực thủy

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>sản;</p> <p>- Quyết định số 4866/QĐ-BNN-TCTS ngày 10/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.</p>
IV. Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp					
1	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	<p>- Thẩm định Đề án: Hai mươi (20) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ thẩm định Đề án hợp lệ;</p> <p>- Thẩm định Phương án: không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ Phương án đầy đủ, đúng quy định;</p> <p>- Hoàn thiện Hồ sơ trình Phê duyệt Phương án: trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ</p>	<p>- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Địa chỉ: 176 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh): đối với Công ty nông, lâm nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	Không	<p>- Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;</p> <p>- Căn cứ Nghị định số 04/2024/NĐ-CP ngày 12/01/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;</p> <p>- Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; - Phê duyệt Đề án: trong thời hạn không quá năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản phê duyệt Phương án của Thủ tướng Chính phủ.			17/12/2014 của Chính phủ; - Quyết định số 311/QĐ-BNN-QLDN ngày 21/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực quản lý doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP HUYỆN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Thủy sản					
1	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> - Công khai phương án: 03 (ba) ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng: 60 (sáu mươi) ngày. 	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Thủy sản năm 2017; - Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản;
2	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng: 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; - Đối với trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản: <ul style="list-style-type: none"> + Công khai phương án: 03 (ba) ngày làm việc; + Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (nếu 	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 1154/QĐ-BNN-TCTS ngày 05/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		cần), ban hành quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng: 60 (sáu mươi) ngày.			

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH CẤP XÃ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn					
1	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không	- Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông; - Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về công bố thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng